TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2026
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Đông.

2. Bà Phạm Thị Tú Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trần Võ Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 317/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 22/06/1989; Căn cước công dân số: 052189012243 do Cục trưởng Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/9/2021; Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 8, phường Q, tỉnh G. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đặng Minh T, sinh năm: 17/03/1987; Căn cước công dân số: 052087000558 do Cục trưởng Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/04/2021; Địa chỉ: Tổ 7C, khu phố 1, phường Q, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2025 và quá trình thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh Đặng Minh T đăng ký kết hôn số 72 ngày 17/6/2017 tại UBND phường N, thành phố Q, tỉnh B (nay là

UBND phường Q, tỉnh G), tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà chồng ở Tổ 7C, khu phố 1, phường Q, tỉnh G, thời gian này cuộc sống chung của vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 3/2020 hai vợ chồng thuê nhà ra ở riêng, vì xảy ra xích mích trong gia đình chồng, ba mẹ chồng bao bọc anh T quá mức nên anh T hay đi ăn nhậu về trễ. Sau khi vợ chồng thuê nhà ra ở riêng, cuộc sống chung của vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên đi nhậu say xỉn, sống không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã và anh T không tu chí làm ăn còn đánh số đề, nợ nần chị đã nhiều lần khuyên anh T thay đổi cách sống nhưng không được, đến ngày 30/8/2025 vợ chồng cãi nhau gay gắt, anh T lấy đồ đi ra ngoài ở riêng và vợ chồng tự sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị không thể nào chung sống với anh T nên chị yêu cầu Toà giải quyết cho chị được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Đặng Ngọc Minh T, sinh ngày 12/3/2018. Hiện cháu đang ở với chị, sức khoẻ bình thường. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng tự thoả thuận không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận nên chị không yêu cầu Toà giải quyết.

Tại bản khai ngày 17/10/2025, bị đơn anh Đặng Minh T trình bày: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L đã khai. Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc L đăng ký kết hôn số 72 ngày 17/6/2017 tại UBND phường N, thành phố Q, tỉnh B (nay là UBND phường Q, tỉnh G). Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà chồng ở Tổ 7C, khu phố 1, phường Q, tỉnh G, thời gian này cuộc sống chung của vợ chồng chung sống bình thường, tuy nhiên đôi lúc có xảy ra cãi vã, đến tháng 3/2020 hai vợ chồng thuê nhà ra ở riêng. Sau khi vợ chồng thuê nhà ra ở riêng cuộc sống chung của vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong công việc anh thường xuyên đi tiếp khách nên hay đi nhậu về muộn, không có thời gian lo cho gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, những lúc anh đi nhậu về muộn chị L hay nhăn nhó, khó chịu dẫn đến vợ chồng thường hay kình cãi, đỉnh điểm là ngày 30/8/2025 vợ chồng cãi nhau gay gắt nên anh lấy đồ về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng tự sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn, vì anh vẫn còn tình cảm với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung tên Đặng Ngọc Minh T, sinh ngày 12/3/2018. Hiện cháu đang ở với chị L, sức khoẻ bình thường. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận nên chị không yêu cầu Toà giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn chưa thực hiện hành đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Đặng Minh T;

- Giao cháu Đặng Ngọc Minh T, sinh ngày 12/3/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Đương sự chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Tranh chấp phát sinh giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Đặng Minh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự; Bị đơn anh Đặng Minh T cư trú tại: Tổ 7C, khu phố 1, phường Q, tỉnh G nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đặng Minh T đã được tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt hai bên đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Đặng Minh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường N, thành phố Q, tỉnh B (nay là UBND phường Q, tỉnh G) vào ngày 17/6/2017 nên hôn nhân giữa chị L và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Anh

chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, lối sống, không có tiếng nói chung nên tranh cãi kéo dài, anh T thường xuyên ăn chơi, sống không có trách nhiệm với gia đình. Quá trình làm việc tại Toà án anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào khả thi hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên toà sơ thẩm, anh T không có mặt tại phiên tòa thể hiện sự bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị L. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Đặng Minh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L, anh T có 01 con chung tên Đặng Ngọc Minh T, sinh ngày 12/3/2018. Hiện cháu T đang ở ổn định với chị L, sức khoẻ bình thường. Chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T sau ly hôn và cháu T có nguyện vọng được ở với chị L. Xét thấy, chị L có đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập để bảo đảm sự phát triển bình thường cho cháu T. Anh T cũng thống nhất giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: đương sự không yêu cầu nên Tòa không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Gia Lai phát biểu về nội dung giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc L ly hôn anh Đặng Minh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Ngọc Minh T, sinh ngày 12/3/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nam con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0003635 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 1 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND P. Quy Nhơn Đông (P.Nhơn Bình cũ), tỉnh Gia Lai (số ĐKKH 72 ngày 17/6/2017)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thanh